

Kể từ tháng 1 năm 2023 trở đi
Dành cho đối tượng áp dụng giảm trừ gia cảnh cho thân nhân không cư trú

Tháng 10 năm 2022
 (Chỉnh sửa tháng 1 năm 2024)
 Tổng cục Thuế

Khi khấu trừ tại nguồn từ tiền lương nhận chi trả hay điều chỉnh cuối năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trở đi, trường hợp người cư trú nhận tiền lương có áp dụng giảm trừ gia cảnh cho thân nhân không cư trú (giảm trừ gia cảnh, giảm trừ cho vợ hoặc chồng, giảm trừ đặc biệt cho vợ hoặc chồng, giảm trừ cho người tàn tật) thì những giấy tờ cần nộp hoặc cần xuất trình cho người chi trả tiền lương là "Giấy chứng minh quan hệ thân nhân", "Giấy tờ như visa du học v.v.", "Giấy chứng nhận gửi tiền" hoặc là "Giấy chứng nhận chuyển khoản số tiền 380.000 Yên" như ở dưới đây.

« Giấy tờ xác nhận liên quan đến giảm trừ gia cảnh »

Phân loại theo độ tuổi v.v. của người thân là người không cư trú		Giấy tờ cần thiết khi nộp tờ khai giảm trừ gia cảnh v.v.	Giấy tờ cần thiết khi điều chỉnh cuối năm
Người từ 16 tuổi trở lên và dưới 30 tuổi hoặc từ 70 tuổi trở lên		"Giấy chứng minh quan hệ thân nhân"	"Giấy chứng nhận gửi tiền"
Người từ 30 tuổi trở lên và dưới 70 tuổi	1 Người không có địa chỉ và nơi cư trú trong nước do du học	"Giấy chứng minh quan hệ thân nhân" và "Giấy tờ như visa du học v.v."	"Giấy chứng nhận gửi tiền"
	2 Người khuyết tật	"Giấy chứng minh quan hệ thân nhân"	"Giấy chứng nhận gửi tiền"
	3 Người nhận từ 380.000 Yên trở lên là chi trả cho trang trải chi phí sinh hoạt và chi phí học tập trong năm đó từ bạn	"Giấy chứng minh quan hệ thân nhân"	"Giấy chứng nhận chuyển khoản số tiền 380.000 Yên"
	(Người không thuộc các trường hợp 1 ~ 3 ở trên)	(Ngoài đối tượng giảm trừ gia cảnh)	

« Giấy tờ xác nhận liên quan đến khấu trừ cho vợ/chồng, khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng, hoặc khấu trừ cho người khuyết tật »

Khấu trừ muốn được áp dụng	Giấy tờ cần thiết khi nộp tờ khai giảm trừ gia cảnh v.v.	Giấy tờ cần thiết khi điều chỉnh cuối năm
Khấu trừ cho vợ/chồng, khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng	"Giấy chứng minh quan hệ thân nhân" * Chỉ có thể giảm trừ trong trường hợp đủ điều kiện Vợ/chồng là đối tượng khấu trừ tại nguồn	"Giấy chứng minh quan hệ thân nhân" và "Giấy chứng nhận gửi tiền (Chú ý)"
Khấu trừ cho người khuyết tật	"Giấy chứng minh quan hệ thân nhân"	"Giấy chứng nhận gửi tiền"

(Chú ý) Trong trường hợp điều chỉnh cuối năm, khi nộp tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng v.v., cần nộp hoặc xuất trình những giấy tờ xác nhận này.

Hơn nữa, khi nộp tờ khai giảm trừ gia cảnh v.v., trong trường hợp đã nộp hay xuất trình "Giấy chứng minh quan hệ thân nhân" của vợ/chồng là người không cư trú, thì không cần nộp hoặc xuất trình cho người chi trả tiền lương v.v. "Giấy chứng minh quan hệ thân nhân" khi nộp tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng v.v.

Ngoài ra, trường hợp áp dụng giảm trừ gia cảnh cho thân nhân không cư trú trong kê khai thuế, cần đính kèm "Giấy chứng minh quan hệ thân nhân", "Giấy tờ như visa du học v.v.", "Giấy chứng nhận gửi tiền" hoặc là "Giấy

chứng nhận chuyển khoản số tiền 380.000 Yên" trong Tờ khai thuế, hoặc cần xuất trình khi nộp Tờ khai thuế. Tuy nhiên, nếu đã nộp hoặc xuất trình cho người trả tiền lương v.v. thì không cần nộp kèm những giấy tờ này trong trường hợp đang nhận giảm trừ gia cảnh v.v. trong điều chỉnh cuối năm.

◎ "Giấy chứng minh quan hệ thân nhân" là gì

"Giấy chứng minh quan hệ thân nhân" là một trong hai giấy tờ 1 và 2 sau (cần bản dịch tiếng Nhật), là giấy tờ chứng minh người thân không cư trú là người thân của bạn.

- 1 Giấy tờ do Nhật Bản hoặc Cơ quan địa phương có thẩm quyền cấp chẳng hạn như Bản sao sổ hộ khẩu và Bản sao hộ chiếu (passport) của thân nhân không cư trú.
- 2 Hồ sơ do Chính phủ nước ngoài hay Cơ quan địa phương có thẩm quyền ở nước ngoài cấp (Yêu cầu là hồ sơ có ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh và địa chỉ hoặc nơi cư trú của thân nhân không cư trú.)

- (Chú ý)
1. Hồ sơ do Chính phủ nước ngoài hay Cơ quan địa phương có thẩm quyền ở nước ngoài cấp là Bản sao sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn, v.v.,
 2. Trường hợp chỉ 1 hồ sơ không ghi tất cả thông tin như tên, ngày tháng năm sinh và địa chỉ hay là nơi cư trú của thân nhân không cư trú, trường hợp không chứng minh được người thân của bạn là thân nhân không cư trú, thì cần chứng minh bằng việc kết hợp các loại hồ sơ lại.
 3. Giấy chứng minh quan hệ thân nhân thì cần nộp hoặc xuất trình bản gốc, trừ bản sao hộ chiếu của thân nhân cư trú ngoài Nhật Bản.
 4. Cho dù là thân nhân không cư trú dưới 16 tuổi (thân nhân phụ thuộc không được tính là đối tượng giảm trừ gia cảnh), trong trường hợp nhận khấu trừ cho người khuyết tật thì vẫn cần nộp hoặc xuất trình Giấy chứng minh quan hệ thân nhân và Giấy chứng nhận gửi tiền.
 5. Thân nhân thuộc đối tượng giảm trừ gia cảnh v.v. phải là người huyết thống trong vòng 6 đời, vợ hoặc chồng, người thân bên vợ hoặc chồng trong 3 đời.

◎ Giấy tờ như visa du học v.v. là gì

"Giấy tờ như visa du học v.v." là loại giấy tờ nằm trong 1 hoặc 2 được cấp bởi chính phủ nước ngoài hoặc chính quyền địa phương ở nước ngoài (cần bản dịch tiếng Nhật), chứng nhận việc thân nhân là người không cư trú không có địa chỉ hoặc nơi cư trú trong nước do có tư cách phù hợp với tư cách lưu trú khi du học tại nước ngoài và du học tại nước đó.

- 1 Bản sao giấy tờ tương đương với thị thực (visa) ở nước ngoài
- 2 Bản sao giấy tờ tương đương với thẻ lưu trú ở nước ngoài

◎ "Giấy chứng nhận gửi tiền" là gì

"Giấy chứng nhận gửi tiền" là các giấy tờ sau (cần bản dịch tiếng Nhật), là giấy tờ chứng minh việc bạn chi trả chi phí sinh hoạt hay chi phí giáo dục cho mỗi thân nhân không cư trú trong năm đó.

- 1 Giấy tờ do Cơ quan tài chính phát hành hoặc bản sao của giấy tờ đó, giấy tờ chứng minh việc bạn chi trả cho thân nhân không cư trú dựa trên giao dịch ngoại tệ do Cơ quan tài chính đó thực hiện
- 2 Giấy tờ do công ty phát hành thẻ tín dụng cấp hay bản sao của giấy tờ đó, giấy tờ chứng minh việc nhận hay được nhận số tiền tương đương từ bạn, dựa trên việc thân nhân không cư trú sử dụng thẻ do công ty phát hành thẻ tín dụng cấp để mua dịch vụ hay mua sắm hàng hóa.
- 3 Giấy tờ và bản sao giấy tờ của các doanh nghiệp kinh doanh phương tiện thanh toán điện tử v.v (bao gồm các ngân hàng nhất định phát hành phương tiện thanh toán điện tử v.v hoặc nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền) chứng nhận rõ ràng việc bạn đã thanh toán cho thân nhân không cư trú bằng cách chuyển tiền qua phương tiện thanh toán điện tử của doanh nghiệp kinh doanh phương tiện thanh toán điện tử đó.

- (Chú ý)
1. Giấy chứng nhận gửi tiền là giấy tờ bao gồm những giấy tờ sau:
Ngoài ra, vui lòng lưu ý rằng những trường hợp gửi tiền sinh hoạt, v.v... cho thân nhân không cư trú bằng việc nhờ người quen, sẽ không được áp dụng giảm trừ gia cảnh do không có Giấy chứng nhận gửi tiền.
 - 1 Bản ghi chép Giấy yêu cầu gửi tiền nước ngoài
* Cần có bản ghi chép Giấy yêu cầu gửi tiền nước ngoài đã gửi trong năm đó.
 - 2 Bảng chi tiết chi tiêu thẻ tín dụng
*1 Bảng chi tiết chi tiêu thẻ tín dụng là bảng chi tiết sử dụng (còn gọi là thẻ gia đình) liên quan tới việc bạn ký hợp đồng với công ty phát hành thẻ tín dụng, và chi trả các khoản tiền mà thân nhân không cư trú đã

chi tiêu bằng thẻ tín dụng được phát hành. Trong trường hợp này, bảng chi tiết chi tiêu đó được xem là Giấy chứng nhận gửi tiền liên quan tới người thân không lưu trú đang đứng tên thẻ gia đình.

- 2 Bảng chi tiết chi tiêu thẻ tín dụng là Giấy chứng nhận gửi tiền của năm theo ngày sử dụng thẻ tín dụng.
- 3 Bản sao đơn yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh phương tiện thanh toán điện tử chuyển tiền ra nước ngoài qua phương tiện thanh toán điện tử
 - *1 “Doanh nghiệp kinh doanh phương tiện thanh toán điện tử” là doanh nghiệp đã đăng ký với Thủ tướng chính phủ về việc thực hiện kinh doanh phương tiện thanh toán điện tử như mua bán phương thức thanh toán điện tử, hay trao đổi phương tiện thanh toán điện tử. Ngoài ra, “Phương tiện thanh toán điện tử”, còn gọi là stablecoin, là loại tiền được phát hành ở mức giá liên quan đến giá trị của tiền tệ hợp pháp, được cam kết mua lại với số tiền tương đương với giá phát hành và có đặc tính tương tự như vậy, phương tiện này đề cập đến giá trị tài sản có thể chuyển nhượng thông qua hệ thống xử lý thông tin điện tử được nêu tại khoản 5 điều 2 Đạo luật dịch vụ thanh toán.
 - 2 Đối với đơn yêu cầu, cần phải là bản sao đơn yêu cầu chuyển tiền ra nước ngoài qua phương tiện thanh toán điện tử vào năm đó.
2. Trường hợp áp dụng giảm trừ gia cảnh cho nhiều thân nhân không cư trú thì cần thực hiện gửi tiền cho từng thân nhân.

Theo đó, ví dụ, trường hợp thân nhân không cư trú là vợ hoặc chồng và con cái, khi gửi tiền sinh hoạt một lần cho vợ hoặc chồng thì Giấy chứng nhận gửi tiền sẽ là Giấy chứng nhận gửi tiền cho vợ hoặc chồng, nhưng không được xem là Giấy chứng nhận gửi tiền cho con.
3. Về Giấy chứng nhận gửi tiền, cần phải nộp hoặc xuất trình toàn bộ giấy tờ đã thực hiện gửi tiền trong năm được áp dụng giảm trừ gia cảnh.

Tuy nhiên, trong trường hợp gửi tiền cho cùng một thân nhân không cư trú từ 3 lần trở lên trong 1 năm, chỉ cần nộp hay xuất trình bảng chi tiết có ghi các khoản mục cố định và Giấy chứng nhận gửi tiền lần đầu và lần cuối của năm đó cho thân nhân không cư trú, các giấy chứng nhận gửi tiền khác có thể không cần nộp hay xuất trình.

Ngoài ra, trong trường hợp này, bạn cần phải lưu lại Giấy chứng nhận gửi tiền không bị yêu cầu nộp hay xuất trình.
4. Cho dù là thân nhân không cư trú dưới 16 tuổi (thân nhân phụ thuộc không được tính là đối tượng giảm trừ gia cảnh), trong trường hợp nhận khẩu trừ người cho khuyết tật thì vẫn cần nộp hoặc xuất trình Giấy chứng minh quan hệ thân nhân và Giấy chứng nhận gửi tiền.

© "Giấy chứng nhận chuyển khoản số tiền 380.000 Yên" là gì

"Giấy chứng nhận chuyển khoản số tiền 380.000 Yên" là 1 loại "Giấy chứng nhận chuyển tiền" làm rõ việc 380.000 Yên trở lên là tổng giá trị tiền được bạn gửi trong năm đó đến từng người thân là người không cư trú đó.

(Chú ý) Liên quan đến Giấy chứng nhận chuyển khoản số tiền 380.000 Yên, cần phải nộp hoặc xuất trình tất cả mọi giấy tờ đã thực hiện việc chuyển tiền v.v. trong năm được áp dụng giảm trừ gia cảnh.

Tuy nhiên, trong trường hợp gửi tiền cho cùng một người thân là người không cư trú từ 3 lần trở lên trong 1 năm, chỉ cần nộp hoặc xuất trình bảng chi tiết có ghi các khoản mục cố định và Giấy chứng nhận gửi tiền lần đầu và lần cuối của năm đó cho người thân là người không cư trú, các giấy chứng nhận gửi tiền khác có thể không cần nộp hoặc xuất trình.

Ngoài ra, khi tổng số tiền của các khoản đã chuyển đi v.v. liên quan đến "Giấy tờ khi đã chuyển tiền v.v. lần đầu tiên và cuối cùng trong năm đó" là dưới 380.000 yen thì bên cạnh "Giấy tờ khi đã chuyển tiền v.v. lần đầu tiên và cuối cùng trong năm đó" này, cần phải nộp hoặc xuất trình các giấy tờ tương ứng với phần làm rõ việc tổng số tiền của các khoản gửi đi v.v. trong năm đó cho thân nhân là người không cư trú là trên 380.000 yen (Ví dụ, trường hợp tổng số tiền của các khoản chuyển đi v.v. liên quan đến "Giấy tờ khi đã chuyển tiền v.v. lần đầu tiên và cuối cùng trong năm đó" là 300.000 yen, bên cạnh các giấy tờ này, cần phải nộp hoặc xuất trình giấy tờ có các khoản gửi đi v.v. là 80.000 yen (380.000 yen – 300.000 yen) trở lên.).

Ngoài ra, bạn cần phải giữ lại Giấy chứng nhận chuyển tiền 380.000 yen mà bạn đã bỏ qua việc nộp hoặc xuất trình.

* Tài liệu hướng dẫn này được làm dựa trên quy định của Pháp lệnh liên quan tới Luật thuế thu nhập tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2024.